

Số: 15110/CHQ-NVTHQ

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2026

V/v thủ tục hải quan, chính sách
thuế đối với hàng hóa tái nhập từ
hàng đã xuất khẩu

Kính gửi: Chi cục Hải quan khu vực XVIII.

Cục Hải quan nhận được công văn số 1150/HQKV18-NV ngày 15/8/2025; công văn số 1415/HQKV18-NV ngày 18/9/2025 của Chi cục Hải quan khu vực XVIII vướng mắc về thủ tục hải quan và chính sách thuế đối với hàng hóa tái nhập từ hàng đã xuất khẩu. Về vấn đề này, Cục Hải quan có ý kiến như sau:

I. Về thủ tục hải quan và chính sách xuất nhập khẩu đối với hàng hóa đã xuất khẩu phải tái nhập khẩu và hàng hóa tạm nhập – tái xuất

1. Hàng hóa đã xuất khẩu phải tái nhập khẩu

Căn cứ Điều 47 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 25 Điều 1 Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 của Chính phủ quy định thủ tục hải quan tái nhập đối với hàng hóa đã xuất khẩu. Trong đó quy định thương nhân được tái nhập hàng hóa chưa qua sử dụng của chính thương nhân nhưng bị trả lại. Thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương này. Người khai hải quan không phải nộp giấy phép nhập khẩu, văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành trừ trường hợp pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành có quy định khác. Ngoài ra, đối với trường hợp hàng hóa xuất khẩu đã qua sử dụng của chính thương nhân tái nhập khẩu để tái chế, bảo hành theo yêu cầu của thương nhân nước ngoài, sau đó tái xuất, thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại Điều 50 Nghị định này.

2. Hàng hóa tạm nhập – tái xuất

Căn cứ Điều 50 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 28 Điều 1 Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 của Chính phủ quy định thủ tục hải quan đối với hàng hóa tạm xuất, tái nhập và hàng hóa tạm nhập, tái xuất. Trong đó tại điểm b.2, khoản 2 Điều 50 quy định: Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa tạm nhập, tái xuất bao gồm tờ khai hải quan; đối với hàng hóa tạm nhập thì nộp bổ sung giấy phép tạm nhập, tái xuất theo quy định của pháp luật; văn bản thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật.

Căn cứ khoản 2 Điều 15 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của Chính phủ quy định: “Thương nhân được tạm nhập hàng hóa mà thương nhân đã xuất khẩu để tái chế, bảo hành theo yêu cầu của thương nhân nước ngoài và tái xuất khẩu trả lại thương nhân nước ngoài. Thủ tục tạm nhập, tái xuất thực hiện tại cơ quan hải quan, không phải có Giấy phép tạm nhập, tái xuất”.

3. Về mã loại hình

Căn cứ Bảng mã loại hình và hướng dẫn sử dụng kèm theo Quyết định số 1357/QĐ-TCHQ ngày 18/5/2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quy định:

Mã loại hình A31 - Nhập khẩu hàng hóa đã xuất khẩu sử dụng trong trường hợp tái nhập hàng đã xuất khẩu của các loại hình xuất kinh doanh, xuất sản phẩm gia công, xuất sản phẩm sản xuất xuất khẩu, xuất sản phẩm của DNCX, xuất nguyên liệu đặt nước ngoài gia công (bao gồm: nguyên liệu, vật tư dư thừa; phế liệu, phế phẩm), hàng hóa xuất khẩu khác theo loại hình H21 nhưng bị trả lại để tiêu thụ nội địa hoặc tiêu hủy.

Mã loại hình G13 - Tạm nhập miễn thuế sử dụng trong trường hợp hàng hóa tái nhập hàng của các loại hình xuất kinh doanh, xuất sản phẩm gia công, xuất sản phẩm sản xuất xuất khẩu, xuất sản phẩm của DNCX, xuất khẩu hàng hóa khác bị trả lại để sửa chữa, tái chế sau đó tái xuất trả lại khách hàng hoặc tái xuất sang nước thứ ba hoặc vào khu phi thuế quan.

Mã loại hình A42 - Thay đổi mục đích sử dụng hoặc chuyển tiêu thụ nội địa từ các loại hình khác, trừ tạm nhập sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế, miễn thuế, ưu đãi thuế (bao gồm cả hạn ngạch thuế quan), sau đó thay đổi mục đích sử dụng hoặc chuyển tiêu thụ nội địa, trừ hàng hóa tạm nhập tái xuất (bao gồm cả kinh doanh tạm nhập tái xuất).

II. Về chính sách thuế

1. Đối với hàng hóa tái nhập

Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 19 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 quy định: Người nộp thuế đã nộp thuế xuất khẩu nhưng hàng hóa xuất khẩu phải tái nhập được hoàn thuế xuất khẩu và không phải nộp thuế nhập khẩu. Hàng hóa quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này được hoàn thuế khi chưa qua sử dụng, gia công, chế biến;

Căn cứ Điều 33 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021 của Chính phủ quy định: Hàng hóa xuất khẩu đã nộp thuế xuất khẩu nhưng phải tái nhập được hoàn thuế xuất khẩu và không phải nộp thuế nhập khẩu, gồm:

- Hàng hóa đã xuất khẩu nhưng phải nhập khẩu trở lại Việt Nam;
- Hàng hóa xuất khẩu do tổ chức, cá nhân ở Việt Nam gửi cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài thông qua dịch vụ bưu chính và dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế đã nộp thuế nhưng không giao được cho người nhận hàng hóa, phải tái nhập;

Căn cứ điểm b khoản 19 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 37a Nghị định số 134/2016/NĐ-CP quy định: Không thu thuế đối với hàng hóa không phải nộp thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu quy định tại Điều 33, Điều 34 Nghị định này;

Căn cứ khoản 4 Điều 47 Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định: Chính sách thuế áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu phải tái nhập thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.

Như vậy, chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu đã nộp thuế xuất khẩu phải tái nhập thực hiện theo quy định tại Điều 19 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13; Điều 33 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP; điểm b khoản 19

Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 37a Nghị định số 134/2016/NĐ-CP.

2. Đối với hàng hóa tạm nhập tái xuất

Căn cứ điểm c khoản 9 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 quy định: Miễn thuế đối với hàng hóa tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập trong thời hạn nhất định để bảo hành, sửa chữa, thay thế;

Căn cứ Điều 13 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP quy định về hồ sơ, thủ tục miễn thuế đối với hàng hóa tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập trong thời hạn nhất định.

Như vậy, chính sách thuế đối với hàng hóa tạm nhập, tái xuất trong thời hạn nhất định để bảo hành, sửa chữa, thay thế thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 9 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế NK số 107/2016/QH13; Điều 13 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP.

3. Về Thuế GTGT

Tại Điều 3 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 quy định: *“Hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam là đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng, trừ các đối tượng quy định tại Điều 5 của Luật này”*.

Tại Điều 5 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15, Điều 4 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 1/7/2025 của Chính phủ quy định đối tượng không chịu thuế GTGT.

Căn cứ các quy định nêu trên, từ ngày 01/7/2025, hàng hóa xuất khẩu nhưng bị nước ngoài trả lại, khi nhập khẩu thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo quy định tại Điều 3 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15.

Căn cứ khoản 5 Điều 25 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định:

“5. Người khai hải quan phải khai tờ khai hải quan mới trong các trường hợp sau:

a) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế bảo vệ môi trường hoặc miễn thuế hoặc áp dụng thuế suất, mức thuế tuyệt đối theo hạn ngạch thuế quan và đã được giải phóng hàng hoặc thông quan nhưng sau đó có thay đổi về đối tượng không chịu thuế hoặc mục đích được miễn thuế, áp dụng thuế suất, mức thuế tuyệt đối theo hạn ngạch thuế quan;

Chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan mới trừ trường hợp đã thực hiện đầy đủ chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại thời điểm đăng ký tờ khai ban đầu.”

Căn cứ khoản 2 Điều 5 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định:

“2. Đối với hàng hóa nhập khẩu là trị giá tính thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu cộng với thuế nhập khẩu, cộng với các khoản thuế là thuế nhập khẩu bổ sung theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và pháp luật về quản lý ngoại thương (nếu có), cộng với thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) và cộng với thuế bảo vệ môi trường (nếu có).

a) Trường hợp hàng hóa nhập khẩu được miễn thuế nhập khẩu thì giá tính thuế giá trị gia tăng là trị giá tính thuế nhập khẩu.

b) Trường hợp hàng hóa nhập khẩu được giảm thuế nhập khẩu thì giá tính thuế giá trị gia tăng là trị giá tính thuế nhập khẩu cộng (+) với thuế nhập khẩu xác định theo mức thuế phải nộp sau khi đã được giảm.

c) Trường hợp hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng và được miễn thuế nhập khẩu, sau đó thay đổi mục đích sử dụng dẫn đến phát sinh số thuế nhập khẩu phải nộp thì phải nộp thuế giá trị gia tăng bổ sung trên số tiền thuế nhập khẩu phải nộp”

Căn cứ quy định nêu trên, kể từ ngày 01/7/2025 trường hợp sản phẩm gia công, sản xuất xuất khẩu tái nhập khẩu trở lại Việt Nam thì thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo quy định tại Điều 3 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15. Việc kê khai, áp dụng thuế suất thuế GTGT đối với hàng hoá nhập khẩu thực hiện theo quy định tại Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

Đề nghị Chi cục hải quan khu vực XVIII rà soát việc khai báo mã loại hình tờ khai G13 (tạm nhập miễn thuế) đối với trường hợp hàng hóa tái nhập để sửa chữa, tái chế thuộc đối tượng chịu thuế GTGT.

Để đảm bảo việc thực hiện thủ tục hải quan và áp dụng chính sách thuế đúng quy định đối với hàng hóa đã xuất khẩu phải tái nhập để sửa chữa, tái chế và xử lý đối với hàng hóa tái nhập để sửa chữa, tái chế không tái xuất được; hàng hóa tạm nhập, tái xuất để bảo hành, sửa chữa, tái chế trong thời hạn nhất định, Cục Hải quan yêu cầu Chi cục hải quan khu vực XVIII nghiên cứu các quy định nêu trên về thủ tục hải quan và chính sách thuế để hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PCT. Nguyễn Thành Hưng (để b/c);
- Ban GSQL về HQ, Ban PC (để biết);
- Công ty TNHH Shinsung Vina (thay trả lời cv số 20251029-01/CĐMĐSD ngày 29/10/2025) (Lô B1, KCN Song Khê- Nội Hoàng, P. Tiền Phong, tỉnh Bắc Ninh);
- Lưu: VT, NVTHQ (3b).

**TL. CỤC TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG BAN NGHIỆP VỤ THUẾ HQ
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Mai Thị Vân Anh